

TẬP ĐOÀN BITEXCO
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MỨC
-----o0o-----

BẢN SAO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

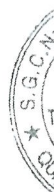
ĐẾN NGÀY 31/12/2016

Điện Biên, Ngày 31 tháng 12 năm 2016

KPMG

Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Múc

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016



Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Múc
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số 5600184478

ngày 10 tháng 10 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5600184478 ngày 5 tháng 10 năm 2015. Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Điện Biên cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Quang Hội
Ông Vũ Chi Mỹ
Ông Vũ Đức Thuận
Ông Trần Anh Tuấn

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Vũ Quang
Ông Bùi Ngọc Thương
Ông Lê Xuân Cương

Giám đốc
Phó Giám đốc
Phó Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Bản Hô Múc, xã Nậm Nền,
Huyện Mường Chà
Tỉnh Điện Biên
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Múc
Báo cáo của Ban Giám đốc

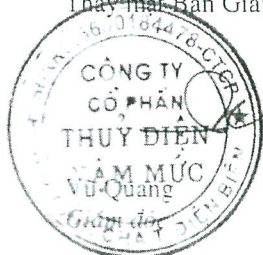
Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Múc ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 26 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Điện Biên, ngày 31 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Múc

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Múc (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 26.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mức tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mức cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 9 tháng 5 năm 2016.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo kiểm toán số: 16-01-345



Lâm Thị Ngọc Hào
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0866-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Tuấn
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0436-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2017

Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mức
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Phân loại lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 150)	100		88.097.359.126	65.474.722.595
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		7.962.876.382	3.032.109.400
Tiền	111	4	7.962.876.382	3.032.109.400
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		80.134.482.744	62.189.269.333
Phải thu của khách hàng	131	5	6.093.599.221	10.143.450.987
Trả trước cho người bán	132	6	49.472.080.571	50.680.663.269
Khoản cho vay phải thu	135	7	19.572.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	4.996.802.952	1.365.155.077
Tài sản ngắn hạn khác	150		-	253.343.862
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	253.343.862
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 260)	200		1.389.696.172.481	1.437.131.745.809
Các khoản phải thu dài hạn	210		31.900.000	31.900.000
Phải thu dài hạn khác	216		31.900.000	31.900.000
Tài sản cố định	220		1.389.477.467.113	1.437.099.845.809
Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.389.477.467.113	1.437.099.845.809
Nguyên giá	222		1.468.411.739.701	1.468.377.231.701
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(78.934.272.588)	(31.277.385.892)
Tài sản dài hạn khác	260		186.805.368	-
Chi phí trả trước dài hạn	261		186.805.368	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.477.793.531.607	1.502.606.468.404

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Múc
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)


Mẫu B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Phân loại lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.033.962.376.246	1.053.334.830.625
Nợ ngắn hạn	310		142.909.943.224	151.423.598.266
Phải trả người bán ngắn hạn	311	10(a)	29.936.926.998	61.190.020.566
Thuế phải nộp Nhà nước	313	11	9.783.214.613	7.512.415.726
Phải trả người lao động	314		5.020.370.126	6.821.886.579
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	12(a)	-	22.770.300.983
Phải trả ngắn hạn khác	319	13	1.122.384.000	2.081.926.925
Vay ngắn hạn	320	14(a)	97.047.047.487	51.047.047.487
Nợ dài hạn	330		891.052.433.022	901.911.232.359
Phải trả người bán dài hạn	331	10(b)	69.061.447.817	24.443.473.957
Chi phí phải trả dài hạn	333	12(b)	28.164.985.205	33.841.758.402
Phải trả dài hạn khác	337		426.000.000	426.000.000
Vay dài hạn	338	14(b)	791.000.000.000	842.000.000.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342		2.400.000.000	1.200.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		443.831.155.361	449.271.637.779
Vốn chủ sở hữu	410	15	443.831.155.361	449.271.637.779
Vốn cổ phần	411	16	451.000.000.000	451.000.000.000
Lỗ lũy kế	421		(7.168.844.639)	(1.728.362.221)
- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước	421a		(1.728.362.221)	(181.036.576)
- Lỗ năm nay	421b		(5.440.482.418)	(1.547.325.645)
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.477.793.531.607	1.502.606.468.404


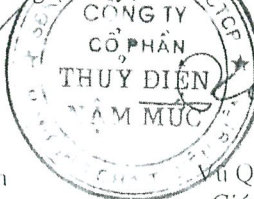

Ngày 31 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Trần Văn Tiến
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Đàm Trần Kiên
Kế toán trưởng

Vũ Quang
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Múc

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Doanh thu bán hàng	01	17	155.550.358.996	98.098.470.180
Giá vốn hàng bán	11	18	56.161.629.631	36.488.926.937
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		99.388.729.365	61.609.543.243
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	542.791.891	130.836.106
Chi phí tài chính	22	20	94.405.082.476	54.570.908.768
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		94.112.450.555	53.438.248.412
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	10.291.503.711	8.181.967.105
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		(4.765.064.931)	(1.012.496.524)
Chi phí khác	32		675.417.487	534.829.121
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 32)	40		(675.417.487)	(534.829.121)
Lỗ kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(5.440.482.418)	(1.547.325.645)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	23	-	-
Lỗ thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(5.440.482.418)	(1.547.325.645)


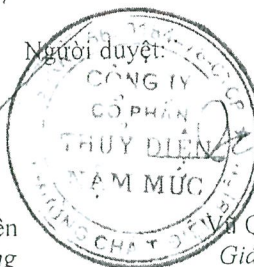

Ngày 31 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Trần Văn Tiến
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Đàm Trần Kiên
Kế toán trưởng

Văn Quang
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mực
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lỗ kế toán trước thuế	01		(5.440.482.418)	(1.547.325.645)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao	02		47.656.886.696	30.356.220.258
Các khoản dự phòng	03		1.200.000.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	662.028.974
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(542.791.891)	(20.108.990)
Chi phí lãi vay	06		94.112.450.555	53.438.248.412
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		136.986.062.942	82.889.063.009
Biến động các khoản phải thu	09		1.867.717.396	(2.109.092.705)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(1.618.710.498)	12.316.337.421
Biến động chi phí trả trước	12		66.538.494	86.434.545
			137.301.608.334	93.182.742.270
Tiền lãi vay đã trả	14		(94.455.053.512)	(53.095.645.456)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		42.846.554.822	40.087.096.814
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(13.645.648.924)	(160.004.736.867)
Tiền chi cho vay	23		(45.800.000.000)	-
Tiền thu từ cho vay	24		26.228.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cho vay	27		301.861.084	20.108.990
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(32.915.787.840)	(159.984.627.877)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mực
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	68.438.750.000
Tiền thu từ đi vay	33		-	75.386.250.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(5.000.000.000)	(30.896.250.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(5.000.000.000)	112.928.750.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		4.930.766.982	(6.968.781.063)
Tiền đầu năm	60		3.032.109.400	10.000.890.463
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	4	7.962.876.382	3.032.109.400

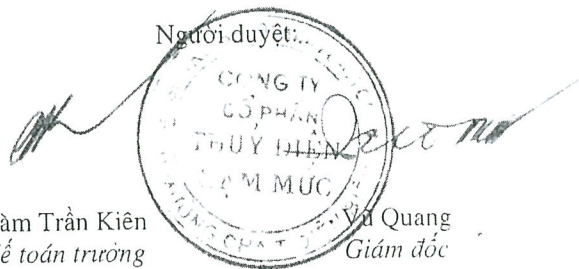
Ngày 31 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Trần Văn Tiến
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Đàm Trần Kiên
Kế toán trưởng

Vũ Quang
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Múc

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Múc (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là hoàn thành việc đầu tư xây dựng và đưa vào vận hành Nhà máy thủy điện Nậm Múc với công suất lắp máy 44 MW tại xã Nậm Nền, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên. Dự án Nhà máy thủy điện Nậm Múc được thực hiện theo Giấy Chứng nhận đầu tư số 621210000004 được Ủy ban Nhân dân tỉnh Điện Biên cấp ngày 18 tháng 12 năm 2006 và được sửa đổi lần ba vào ngày 6 tháng 3 năm 2014.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 81 nhân viên (1/1/2016: 82 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mực
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

(e) Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 được mang sang từ số liệu đã kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản sẵn và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Múc

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	20 – 40 năm
▪ máy móc và thiết bị	6 – 20 năm
▪ phương tiện vận tải	6 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 năm

Trong năm, Công ty đã thay đổi thời gian hữu dụng của một số của tài sản cố định hữu hình để phản ánh tốt hơn thời gian hữu dụng kinh tế của các tài sản đó (Thuyết minh 9).

(e) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Múc
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(f) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(g) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(h) Vốn góp

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

(i) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Múc
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(j) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán điện

Doanh thu cung cấp điện được ghi nhận hàng tháng trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa theo biên bản số đo điện và giá điện cho từng mùa được quy định cụ thể trong Hợp đồng mua bán điện ký với Tập đoàn điện lực Việt Nam. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(k) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(l) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(m) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Múc
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Tiền

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tiền mặt	591.433.261	2.203.013.442
Tiền gửi ngân hàng	7.371.443.121	829.095.958
Tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7.962.876.382	3.032.109.400

5. Phải thu của khách hàng

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Công ty mua bán điện - Tập đoàn điện lực Việt Nam	6.093.599.221	10.143.450.987

6. Trả trước cho người bán

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Công ty Cổ phần Năng lượng Bitexco – Chi Nhánh Điện Biên - công ty mẹ	41.720.000.000	41.720.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Điện miền Bắc	3.000.000.000	3.000.000.000
Trả trước cho người bán khác	4.752.080.571	3.763.920.338
	49.472.080.571	50.680.663.269

Trả trước cho người bán là các bên liên quan như sau:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Công ty Cổ phần Năng lượng Bitexco – Chi Nhánh Điện Biên - công ty mẹ	41.720.000.000	41.720.000.000
Công ty Cổ phần Cơ Điện Minh Quang	500.000.000	-

Khoản trả trước cho công ty mẹ và bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và sẽ phải hoàn trả khi được yêu cầu

Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mức
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Khoản cho vay phải thu

Khoản cho vay phải thu là khoản cho Công ty Cổ phần Năng lượng Bitexco – công ty mẹ vay theo hợp đồng vay số 07/2016-HĐVV/BP-TĐNM tháng 7 năm 2016 có thời hạn vay trong vòng 6 tháng với số tiền cho vay tối đa là 30 tỷ đồng, lãi suất vay là 5,5% một năm.

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tạm ứng cho nhân viên	4.639.521.678	644.849.498
Phải thu lãi vay từ công ty mẹ	240.930.807	-
Phải thu khác	116.350.467	720.305.579
	<hr/> 4.996.802.952	<hr/> 1.365.155.077

Khoản phải thu phi thương mại từ công ty mẹ không có đảm bảo, không hưởng lãi và sẽ phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Múc
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	1.096.977.462.329	370.408.545.649	959.450.663	31.773.060	1.468.377.231.701
Tăng trong năm	-	34.508.000	-	-	34.508.000
Số dư cuối năm	1.096.977.462.329	370.443.053.649	959.450.663	31.773.060	1.468.411.739.701
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	19.947.820.220	10.448.619.671	849.172.941	31.773.060	31.277.385.892
Khấu hao trong năm	28.270.277.064	19.319.020.926	67.588.706	-	47.656.886.696
Số dư cuối năm	48.218.097.284	29.767.640.597	916.761.647	31.773.060	78.934.272.588
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	1.077.029.642.109	359.959.925.978	110.277.722	-	1.437.099.845.809
Số dư cuối năm	1.048.759.365.045	340.675.413.052	42.689.016	-	1.389.477.467.113

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 567 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 32 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, toàn bộ tài sản cố định hữu hình được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay cấp cho Công ty (Thuyết minh 14(b)).

Trong năm, Công ty thay đổi thời gian sử dụng của một số tài sản cố định hữu hình. Việc thay đổi này làm giảm chi phí khấu hao là 7.666 triệu VND và sự thay đổi này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm

Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mức
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Năng lượng Bitexco – Chi Nhánh		
Điện Biên – công ty mẹ	57.810.323.161	38.959.270.852
Viện Nghiên cứu Khảo sát Thủy điện Huadong	16.579.672.112	23.275.672.112
Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng	10.001.376.519	12.001.376.519
Các nhà cung cấp khác	14.607.003.023	11.397.175.040
	<hr/>	<hr/>
	98.998.374.815	85.633.494.523

(b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	29.936.926.998	61.190.020.566
Dài hạn	69.061.447.817	24.443.473.957
	<hr/>	<hr/>
	98.998.374.815	85.633.494.523

(c) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Năng lượng Bitexco – Chi Nhánh		
Điện Biên – công ty mẹ	57.810.323.161	38.959.270.852
Công ty Cổ phần Cơ điện Minh Quang	1.390.435.597	2.370.476.765
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ và bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và sẽ phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Múc
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	4.329.023.361	13.846.539.945	(14.400.000.000)	3.775.563.306
Thuế thu nhập cá nhân	1.077.662	357.148.490	(205.803.313)	152.422.839
Thuế tài nguyên	2.439.456.703	10.315.771.765	(6.900.000.000)	5.855.228.468
Các loại thuế khác	742.858.000	505.668.000	(1.248.526.000)	-
	7.512.415.726	25.025.128.200	(22.754.329.313)	9.783.214.613

12. Chi phí phải trả

(a) Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Chi phí lãi vay	-	342.602.957
Chi phí xây dựng trích trước cho Công ty Cổ phần Năng lượng Bitexco – Chi Nhánh Điện Biên – công ty mẹ	-	22.427.698.026
	-	22.770.300.983

(b) Chi phí phải trả dài hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Chi phí quản lý tổng thầu trích trước cho Công ty Cổ phần Năng lượng Bitexco – Chi Nhánh Điện Biên – công ty mẹ	3.239.049.317	-
Chi phí xây dựng phải trả	24.925.935.888	33.841.758.402
	28.164.985.205	33.841.758.402

Khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ không có đảm bảo, không chịu lãi và sẽ phải hoàn trả
khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Múc
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Phí môi trường rừng	750.231.600	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	231.401.360	458.330.301
Kinh phí công đoàn	68.598.029	61.410.349
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	72.153.011	68.790.654
Phải trả khác cho các bên liên quan	-	1.493.395.621
	<u>1.122.384.000</u>	<u>2.081.926.925</u>

Khoản phải trả phi thương mại các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi suất và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

14. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ 1/1/2016 VND	Biến động trong năm	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ 31/12/2016 VND
		Tăng VND	Giảm VND
Vay dài hạn đến hạn trả	51.047.047.487	51.000.000.000	(5.000.000.000)
			97.047.047.487

(b) Vay dài hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Vay dài hạn	842.000.000.000	893.047.047.487
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(51.000.000.000)	(51.047.047.487)
	<u>791.000.000.000</u>	<u>842.000.000.000</u>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng		

Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Múc
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Năm đáo hạn	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	VND	2028	842.000.000.000	893.047.047.487

Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình liên quan đến Nhà máy Thủy điện Nậm Múc có giá trị ghi sổ là 1.389.477 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: 1.437.100 triệu VND) (Thuyết minh 9). Theo các điều khoản của hợp đồng vay, tiền gốc của các khoản vay sẽ được hoàn trả trong vòng 156 tháng với số tiền trả nợ gốc cụ thể đã được quy định trong hợp đồng tín dụng giữa hai bên, bắt đầu từ tháng 1 năm 2016, kết thúc vào năm 2028.

15. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Lỗ lũy kế VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	382.561.250.000	(470.631.382)	(181.036.576)	381.909.582.042
Tăng trong năm	68.438.750.000	-	-	68.438.750.000
Lỗ thuần trong năm	-	-	(1.547.325.645)	(1.547.325.645)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	470.631.382	-	470.631.382
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	451.000.000.000	-	(1.728.362.221)	449.271.637.779
Lỗ thuần trong năm	-	-	(5.440.482.418)	(5.440.482.418)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	451.000.000.000	-	(7.168.844.639)	443.831.155.361

Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Múc
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

16. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	45.100.000	451.000.000.000	45.100.000	451.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	45.100.000	451.000.000.000	45.100.000	451.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	45.100.000	451.000.000.000	45.100.000	451.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

17. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2016 VND	2015 VND
Doanh thu bán điện	155.550.358.996	98.098.470.180

18. Giá vốn hàng bán

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nhân công	5.425.815.966	3.232.269.838
Chi phí khấu hao	47.656.886.696	31.277.385.892
Chi phí khác	3.078.926.969	1.979.271.207
	56.161.629.631	36.488.926.937

Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Múc
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Doanh thu hoạt động tài chính

	2016 VND	2015 VND
Lãi tiền gửi và lãi cho vay	542.791.891	20.108.990
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái		110.727.116
	<u>542.791.891</u>	<u>130.836.106</u>

20. Chi phí tài chính

	2016 VND	2015 VND
Chi phí lãi vay	94.112.450.555	53.438.248.412
Lỗ chênh lệch tỷ giá	292.631.921	1.132.660.356
	<u>94.405.082.476</u>	<u>54.570.908.768</u>

21. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nhân công	7.376.157.914	6.454.611.888
Chi phí nguyên vật liệu	813.184.496	79.045.369
Chi phí dịch vụ mua ngoài	264.697.183	1.467.339.101
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.837.464.118	180.970.747
	<u>10.291.503.711</u>	<u>8.181.967.105</u>

Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Múc
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2016 VND	2015 VND
Chi phí khấu hao	47.656.886.696	30.356.220.258
Chi phí nhân công	12.801.973.880	10.982.411.579
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.077.881.679	1.872.246.089
Chi phí khác	4.916.391.087	1.460.016.116

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2016 VND	2015 VND
Lỗ kế toán trước thuế	(5.440.482.418)	(1.547.325.645)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(544.048.242)	(154.732.565)
Chi phí không được khấu trừ thuế ảnh hưởng bởi thuế suất	67.541.749	59.149.147
Tài sản thuế hoãn lại chưa được ghi nhận	476.506.493	95.583.418
	-	-

(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với khoản mục sau:

	31/12/2016		1/1/2016	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗ tính thuế	6.301.129.793	630.112.979	1.536.064.862	153.606.486

Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Múc
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ VND
2019	Chưa quyết toán	580.233.689
2020	Chưa quyết toán	955.831.173
2021	Chưa quyết toán	4.765.064.931
		6.301.129.793

(c) Thuế suất áp dụng

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho Công ty chưa tính các ưu đãi là 20% (2015: 22%). Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất bằng 10% lợi nhuận chịu thuế trong thời gian 15 năm từ khi Nhà máy thủy điện bắt đầu đưa vào khai thác sử dụng, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 4 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% cho 7 năm tiếp theo cho phần thu nhập tăng thêm. Việc xác định mức thuế suất thuế ưu đãi của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế và các điều khoản trong Giấy chứng nhận đầu tư.

24. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch cho	
	2016 VND	2015 VND
Công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Năng lượng Bitexco		
Góp vốn	-	68.438.750.000
Cho vay	39.000.000.000	22.896.250.000
Lãi cho vay	537.680.611	-
Phải trả khối lượng cơ bản dở dang hoàn thành	-	54.736.659.135
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco		
Nhận tiền vay	-	804.200.000
Bù trừ công nợ khoản vay	-	804.200.000
Công ty liên quan		
Công ty Cổ Phần Thủy Điện Nho Quế 1		
Cho vay	6.800.000.000	-

Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Múc
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)



Giá trị giao dịch cho
2016 2015
VND VND

Công ty Cổ phần cơ điện Minh Quang		
Phải trả tiền xây dựng nhà máy	-	3.848.023.592
Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	276.000.000	1.450.028.777
Thành viên Ban Kiểm soát		
Thù lao và thưởng	80.000.000	-

CHỨNG THỰC BẢN BÁO ĐÓNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 12-07-2017
Số CT 695. Quyển 01 TPX/CT-SCT

25. Số liệu so sánh

Một số số liệu so sánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được phân loại lại để phù hợp với năm hiện tại về trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Bảng cân đối kế toán


	1/1/2016 (theo báo cáo trước đây) VND	Phân loại lại VND	1/1/2016 (đã phân loại lại) VND
Chi phí phải trả dài hạn	35.041.758.402	(1.200.000.000)	33.841.758.402
Dự phòng phải trả dài hạn	-	1.200.000.000	1.200.000.000


Ngày 31 tháng 3 năm 2017

Người lập:


Trần Văn Tiến
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


Đàm Trần Kiên
Kế toán trưởng


Vũ Quang
Giám đốc

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Lò Văn Quỳnh